

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 386/2024/TLST-DS ngày 02/8/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M); địa chỉ: Tầng E, khối E, Tòa nhà C, số B đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Trung H, sinh năm 1999; địa chỉ liên hệ: Tổ B, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 126-07/UQ/M-QTBD ngày 10/7/2024*).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Trung H có mặt; bị đơn ông Nguyễn Hữu T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Trung H trình bày:**

Ngày 25/6/2019, Công ty T1 (S) và ông Nguyễn Hữu T có ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện tại “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” số 20190623-0000224 để vay tiền với mục đích mua xe máy; số tiền vay là 30.000.000 đồng; hai bên thỏa thuận lãi suất là 5,49%/tháng (tương đương 65,9%/năm); thời hạn vay là 18 tháng, hình thức trả tiền vay là trả góp hàng tháng; ông T đã thanh toán được số tiền 21.815.000 đồng, thời hạn thanh toán nợ cuối cùng là ngày 20/01/2021.

Ngày 31/3/2023, S với Công ty M có ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBSFC-M-23-0001 ngày 31/3/2023 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 64703A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 14/6/2024. Theo đó, S đã bán số tiền nợ của ông T cho Công ty M với số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 31/3/2023 là 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi là 6.989.958 đồng.

Nay, Công ty M yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 31/3/2023 là 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi là 6.989.958 đồng và yêu cầu thanh toán một lần và thanh toán ngay.

- *Chứng cứ nguyên đơn Công ty M cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 20/7/2024 của Công ty M (bản gốc); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Văn bản ủy quyền số 126-07/UQ/M-QTBD ngày 10/7/2024 (bản gốc); Căn cước công dân của ông Dương Trung H (bản sao); “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” (bản sao); “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBSFC-M-23-0001 ngày 31/3/2023 (bản sao); “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 64703A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 14/6/2024 (bản sao); Chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của ông Nguyễn Hữu T (bản sao); Vận đơn bưu chính (bản sao); Đơn đề nghị về việc không chuyển hồ sơ hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án (bản gốc); Bản tự khai của ông H ngày 07/8/2024 (bản gốc).

*** Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:**

Ông T thống nhất ý kiến là vào ngày 25/6/2019, ông T với S có ký kết hợp đồng tín dụng được thể hiện tại “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” số 20190623-0000224 để vay tiền với mục đích mua xe máy; số tiền vay là 30.000.000 đồng; hai bên thỏa thuận lãi suất là 5,49%/tháng (tương đương 65,9%/năm); thời hạn vay là 18 tháng; hình thức trả tiền vay là trả góp hàng tháng. Tính đến ngày 20/01/2021, ông T đã thanh toán tiền vay được số tiền 21.815.000 đồng.

Nay, S với Công ty M có ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBSFC-M-23-0001 ngày 31/3/2023 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 64703A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 14/6/2024. Theo đó, S đã bán số tiền nợ của ông T cho Công ty M với số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 31/3/2023 là 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi là 6.989.958 đồng thì ông T đồng ý với việc mua bán chuyển giao số tiền nợ này.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty M thì ông T đồng ý thanh toán cho Công ty M tổng số tiền 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 6.989.958 đồng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của ông T rất khó khăn không thể có tiền thanh toán ngay như yêu cầu của Công ty M nên chấp nhận hòa giải không thành theo quy định của pháp luật.

- *Chứng cứ bị đơn ông T cung cấp*: Bản tự khai của ông Nguyễn Hữu T ngày 07/8/2024 (bản gốc).

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H có mặt; bị đơn ông T có mặt, đảm bảo sự tham gia của các bên đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty M ông H có mặt; bị đơn ông T có mặt, đảm bảo sự tham gia của các bên đương sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty M là Công ty M yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 31/3/2023 là 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 6.989.958 đồng và yêu cầu phải thanh toán ngay và thanh toán một lần.

Xét thấy, bị đơn ông T có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H có mặt, bị đơn ông T có mặt nhưng các bên không thỏa

thuận đợc với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Nguyên đơn Công ty M yêu cầu bị đơn ông T thanh toán số tiền nợ cụ thể tính đến ngày 31/3/2023 là 21.949.876 đồng, trong đó số nợ gốc là 14.959.918 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 6.989.958 đồng và yêu cầu phải thanh toán ngay. Bị đơn ông T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với S như phía nguyên đơn Công ty M trình bày và thừa nhận còn nợ S tổng số tiền 21.949.876 đồng như nguyên đơn khởi kiện; đồng thời bị đơn ông T đồng ý việc S với Công ty M có ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBSFC-M-23-0001 ngày 31/3/2023 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã đợc mua bán” số 64703A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 14/6/2024. Tuy nhiên, bị đơn ông T xác định hiện nay hoàn cảnh của ông T rất khó khăn không thể thanh toán ngay như yêu cầu của nguyên đơn Công ty M mà xin thanh toán dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Phía nguyên đơn Công ty M không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị đơn ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M về việc buộc bị đơn ông T thanh toán tổng số tiền 21.949.876 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) đối với ông Nguyễn Hữu T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) tổng số tiền là 21.949.876 đồng (*hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó

số nợ gốc là 14.959.918 đồng (*mười bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm mười tám đồng*), nợ lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 6.989.958 đồng (*sáu triệu chín trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi tám đồng*) theo “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBSFC-M-23-0001 ngày 31/3/2023 và “Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán” số 64703A/2024/BBXNMBN/GLXDT ngày 14/6/2024 giữa Công ty T1 (S) với Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M).

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.097.493 đồng (*một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 548.747 đồng (*năm trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000351 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 05/9/2024.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng